

Bản án số: 77/2024/DS-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đức Hòa
- Bà Võ Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2024/TLST- DS, ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXX – ST ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Vũ Văn H, sinh năm 1991 (Có mặt)
- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
- Ông Bùi Văn M, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 16/9/2022, anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị Th cho vợ chồng ông Bùi Văn M và bà Nguyễn Thị L vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay có viết giấy, hẹn tới tháng 5/2023 sẽ trả, giấy này có cả ông M và bà L cùng ký tên bên vay.

Ngày 12/10/2022, anh H và chị Th tiếp tục cho vợ chồng ông M, bà L vay số tiền

300.000.000 đồng, hạn tới cuối tháng 5/2023 sẽ trả. Khi vay có viết giấy nhưng chỉ một mình bà L ký vào giấy. Bà L nói vay tiền để làm ăn, bà L có điện cho ông M nhưng ông M bận không về nên bà L nói không cần ông M ký. Sau đó, anh H có gặp ông M mấy lần để nói ông M ký nhưng ông M không có nhà nên không ký vào giấy được.

Tới ngày 30/02/2023, vợ chồng anh H tiếp tục cho ông M, bà L vay số tiền 200.000.000 đồng, hạn tới cuối tháng 5/2023. Khi vay có viết giấy nhưng chỉ một mình bà L ký tên vào giấy.

Mục đích tất cả các lần vay trên là để vợ chồng bà L thu mua nông sản, có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy. Ông M, bà L trả lãi cho tới tháng 02/2024 thì không trả lãi và gốc cho anh H và chị Th. Do bà L, ông M không trả lãi và gốc như thỏa thuận mặc dù vợ chồng anh H nhiều lần gặp yêu cầu trả nợ nên anh H, chị Th khởi kiện yêu cầu bà L, ông M phải trả số tiền vay gốc là 800.000.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Đối với đề nghị của bà L xin trả dần số tiền 800.000.000 đồng thì anh H, chị Th không đồng ý.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có quen biết nên vào ngày 16/9/2022, bà L và chồng là ông Bùi Văn M có vay của vợ chồng anh H, chị Th số tiền 300.000.000 đồng, khi vay có viết giấy, hạn tới tháng 5/2023 sẽ trả.

Ngày 12/10/2022 vợ chồng bà L tiếp tục vay số tiền 300.000.000 đồng, hạn tới cuối tháng 5/2023 sẽ trả. Khi vay có viết giấy nhưng chỉ một mình bà L ký vào giấy.

Tới ngày 30/02/2023 vợ chồng bà L tiếp tục vay số tiền 200.000.000 đồng, hạn tới cuối tháng 5/2023. Khi vay có viết giấy nhưng chỉ một mình bà L ký tên vào giấy.

Mục đích các lần vay tiền trên là để thu mua nông sản, có thỏa thuận lãi suất 2% nhưng không ghi vào giấy; hằng tháng bà L, ông M vẫn trả lãi cho vợ chồng anh H, chị Th.

Bà L thừa nhận hiện nay bà L, ông M còn nợ anh H, chị Th số tiền gốc là 800.000.000 đồng và đồng ý trả cho anh H, chị Th số tiền này. Tuy nhiên, do hiện nay việc làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên. Ngoài ra, không còn có ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Bùi Văn M đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị ông M, bà L trả số tiền gốc đã vay là 800.000.000 đồng, không đồng ý cho bị đơn trả dần số này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Bùi Văn M và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho anh H, chị Th tổng số tiền 800.000.000 đồng.

Chứng cứ của vụ án: Tài liệu khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai của đương sự, các giấy vay tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện ông Bùi Văn M và bà Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước để yêu cầu ông M, bà L phải trả lại số tiền vay 800.000.000đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn ông Bùi Văn M vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung:

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị L đều thống nhất nội dung vào ngày 16/9/2022, bà L, ông M có vay của vợ chồng anh H, chị Th số tiền 300.000.000 đồng; ngày 12/10/2022 vợ chồng bà L vay số tiền 300.000.000 đồng; tới ngày 30/02/2023 vợ chồng bà L tiếp tục vay số tiền 200.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 800.000.000 đồng, khi vay đều viết giấy và hẹn tới cuối tháng 5/2023 sẽ trả. Bà L xác nhận hiện nay vẫn chưa trả số tiền này cho vợ chồng anh H, chị Th nên đồng ý trả cho vợ chồng anh H số tiền này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh H và chị Th đối buộc bà L trả số tiền 800.000.000 đồng này là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc cả ông M liên đới cùng bà L trả số tiền 800.000.000đồng thấy rằng: Mặc dù trong 03 lần vay tiền thì chỉ có lần vay vào ngày 16/9/2022 ông M cùng bà L ký tên vào giấy vay tiền, còn 02 lần vay ngày 12/10/2022 và ngày 30/02/2023 thì ông M không ký tên vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, xét thấy thời điểm bà L vay tiền là trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông M, mục đích vay tiền là để thu mua nông sản phục vụ cho việc kinh doanh để thu nhập phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, ông M phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả số tiền này cho anh H, chị Th.

[5] Bị đơn bà L đề nghị được trả dần số tiền 800.000.000 đồng cho nguyên đơn, nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên đề nghị này của bà L không được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị Th không phải chịu. Hoàn trả cho anh H, chị Th số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009222 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng. Ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị L phải chịu 36.000.000 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị Th

Buộc ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị Th số tiền 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị Th không phải chịu. Hoàn trả cho anh H, chị Th số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009222 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị L phải chịu 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- THA huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 6 năm 2021

Tại Phòng nghị án - Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Hội đồng xét xử gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng

Tiến hành nghị án đối với vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Ngọc Thắng, sinh năm 1985

- Chị Trần Thị Thủy, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hồng Sơn, sinh năm 1968

- Bà Trần Thị Nhượng (tên gọi khác: Nhung), sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng các Điều 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.
Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Thắng, chị Trần Thị Thủy.

Buộc ông Nguyễn Hồng Sơn, bà Trần Thị Nhung phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Ngọc Thắng, chị Trần Thị Thủy số tiền 436.200.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng*).

Biểu quyết 3/3

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Biểu quyết 3/3

3. Về án phí và các vấn đề khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc Thắng, chị Trần Thị Thủy không phải chịu, hoàn trả cho anh Thắng, chị Thủy số tiền tạm ứng án phí 10.724.000 đồng (*mười triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu số 016225 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Ông Bùi Văn M và bà Nguyễn Thị L phải chịu 10.905.000 đồng (*mười triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng*).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, đã thông qua các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý và ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Liêu Nguyễn Mạnh Dũng

Trương Thị Đào

